BaTÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Đ** **TỈNH Q**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/QĐST-DS	*Đ, ngày 30 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải tHnh ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải tHnh về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Đ**; địa chỉ: Số 194 T, phường L, quận H, tHnh phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc B**, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Tây Nam Q. (Quyết định Ủy quyền tham gia tố tụng số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà **Phạm Thị H**, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Đ - Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Tây Nam Q. (Quyết định Ủy quyền tham gia tố tụng số 0961/QĐ-BIDV.TNQN ngày 20/12/2021).

* *Bị đơn:*

- Bà **Bùi Thị X**, sinh năm: 1972; địa chỉ: Khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q;
- Ông **Vũ Văn H**, sinh năm: 1968; địa chỉ: Khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q;
- Chị **Vũ Thị H**, sinh năm: 2000; địa chỉ: Khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q;

- Anh **Vũ Huy H**, sinh năm: 1994; nơi đăng ký thường trú: Khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q; hiện đang chấp hành án tại: Đội 23, phân trại 3 - Trại giam H, tỉnh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về khoản nợ:

Tính đến ngày 22/01/2024 bà Bùi Thị X, ông Vũ Văn H, anh Vũ Huy H và chị Vũ Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là: **177.349.262đồng** *(Một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng)*;

Trong đó: nợ gốc là **157.300.000đồng**; nợ lãi là **16.022.870đồng**; nợ lãi quá hạn là **4.026.392đồng**.

2.2 Về nghĩa vụ trả nợ:

Hai bên thống nhất các kỳ trả nợ như sau:

Chậm nhất đến ngày 22/4/2024, bà X, ông H, anh H và chị H phải trả cho Ngân Hng TMCP Đ số tiền là 60.000.000đồng.

Chậm nhất đến ngày 22/7/2024, bà X, ông H, anh H và chị H phải trả cho Ngân Hng TMCP Đ số tiền là 60.000.000đồng.

Chậm nhất đến ngày 22/10/2024, bà X, ông H, anh H và chị H phải trả cho Ngân Hng TMCP Đ số tiền là 57.349.262đồng.

Kể từ ngày 23/01/2024 cho đến khi trả hết nợ thì bà X, ông H, anh H, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6735427/HĐTD ngày 06/12/2016.

2.3 Về xử lý tài sản B đảm:

Trường hợp bà Bùi Thị X, ông Vũ Văn H, anh Vũ Huy H và chị Vũ Thị H vi phạm bất kỳ một kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền thu hồi toàn bộ số nợ còn lại và yêu cầu Cơ quan Thi Hnh án xử lý tài sản B đảm để thu hồi nợ cho Ngân Hng, theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2014/6735427/HĐBĐ ngày 18/11/2014, đối với tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y737669, do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp ngày 31/12/2003 cho hộ ông Vũ Văn H; địa chỉ: khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà X, ông H, anh H và chị H vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

2.4 Về án phí: Bà Bùi Thị X, ông Vũ Văn H, anh Vũ Huy H và chị Vũ Thị H chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: **4.433.700 đồng** *(Bốn triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng)*.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là **4.160.000đồng** *(Bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003258 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi Hnh án dân sự thị xã Đ, tỉnh Q.

2.5 Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị X, ông Vũ Văn H, anh Vũ Huy H và chị Vũ Thị H chịu toàn bộ chi phí tố tụng; Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 10.000.000đồng, đã chi phí hết; do đó bà X, ông H, anh H và chị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền chi phí tố tụng là 10.000.000đồng *(Mười triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi thi Hnh án xong đối với số tiền chi phí tố tụng nêu trên, bà X, ông H, anh H và chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chi phí tố tụng còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TX. Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Phan Tuấn Anh